TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN TÂN T** **TỈNH LONG A**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 10/2022/HNGĐ-ST
Ngày: 01/6/2022
Về việc: *"Ly hôn"*

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TÂN T - TỈNH LONG A

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Ngọc A**.**
***Hội thẩm nhân dân*:**
1. Ông Hà Minh T
2. Bà Nguyễn Ngọc N

- ***Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa***: Bà Đỗ Thị Hiếu L – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tân T.

Ngày 01 tháng 6 năm 2022 tại Trụ sở tòa án nhân dân huyện Tân T xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 46/2022/TLST- HNGĐ ngày 17/3/2022 về việc "Ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 10/2022/QĐXXST-HNGĐ, ngày 21/4/2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số 05/2022/QĐST-HNGĐ, ngày 11/5/2022, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* anh Nguyễn Trung Đ, sinh năm 1992
Nơi cư trú: ấp Tân Chánh B, xã Nhơn N, huyện Tân T, tỉnh Long A
2. Bị đơn: chị Nguyễn Thị Kim N, sinh năm: 1999
Nơi cư trú: ấp Tân Chánh B, xã Nhơn N, huyện Tân T, tỉnh Long A
(Nguyên đơn có mặt, bị đơn vắng mặt mà không phải vì sự kiện bất khả kháng hoặc do trở ngại khách quan).

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện yêu cầu ly hôn và bản tự khai của nguyên đơn trình bày nội dung vụ kiện như sau:

Anh Nguyễn Trung Đ và chị Nguyễn Thị Kim N tự nguyện tìm hiểu và chung sống như vợ chồng với nhau khoảng năm 2016. Đến năm 2017 mới đăng ký kết hôn. Sau khi kết hôn, anh Đ và chị N chung sống với nhau tại ấp Tân Chánh B,

xã Nhơn N, huyện Tân T, tỉnh Long A. Trong quá trình chung sống, giữa vợ chồng xảy ra nhiều mâu thuẫn, vợ chồng thường xuyên cự cãi với nhau do bất đồng quan điểm về công việc, về cách sống, về suy nghĩ nên cuộc sống vợ chồng không có hạnh phúc. Anh Đ và chị N đã nhiều lần ngồi lại với nhau để hòa giải những mối bất hòa trong cuộc sống để cùng làm ăn lo cho lương lai, xây dựng hạnh phúc gia đình nhưng đều không thành, mâu thuẫn càng nghiêm trọng. Chị N bỏ nhà đi nên anh Đ và chị N đã sống ly thân với nhau hơn hai năm. Anh Đ xác định tình trạng hôn nhân giữa anh và chị N đã mâu thuẫn trầm trọng, cuộc sống chung và tình cảm giữa vợ chồng không còn. Anh Đ yêu cầu được ly hôn với chị N.

Về con chung: Trong quá trình chung sống giữa chị N và anh Đ có 02 con chung tên Nguyễn Thị Kim Y, sinh ngày 31/03/2016 và Nguyễn Minh T, sinh ngày 11/8/2017. Con chung do anh Đ đang trực tiếp nuôi dưỡng. Khi ly hôn, anh Đ yêu cầu được quyền trực tiếp nuôi dưỡng 02 con chung, không yêu cầu chị N cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: không yêu cầu Tòa án giải quyết

Bị đơn Nguyễn Thị Kim N: chị N vắng mặt trong quá trình Tòa án giải quyết vụ án nên trong hồ sơ vụ án không thể hiện ý kiến.

Tại phiên tòa: nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà. Căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: Quan hệ tranh chấp giữa các đương sự là tranh chấp "Ly hôn", căn cứ xác nhận của chính quyền địa phương và tài liệu chứng cứ anh Đ giao nộp thể hiện chị Nguyễn Thị Kim N có đăng ký hộ khẩu thường trú và cư trú tại ấp Tân Chánh B, xã Nhơn N, huyện Tân T, tỉnh Long A. Do đó, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Tân T theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về việc đương sự vắng mặt tại phiên tòa: Căn cứ tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, có cơ sở xác định nguyên đơn đã ghi đầy đủ và đúng địa chỉ nơi cư trú của bị đơn theo quy định của pháp luật. Tuy nhiên, tại thời điểm anh Đ xin ly hôn,

chị N đã bỏ địa phương. Hiện nay, chị N không có mặt tại địa chỉ nơi cư trú. Chị N không cung cấp cho anh Đ địa chỉ hiện nay, anh Đ không liên lạc được với chị N. Người thân thích của chị N cũng không rõ chị N hiện cư trú ở đâu. Vì vậy, có cơ sở xác định việc chị N vắng mặt tại nơi cư trú nhằm mục đích che giấu địa chỉ. Do đó, căn cứ quy định tại điểm e khoản 1 Điều 192 Bộ Luật TTDS, Tòa án tiến hành thụ lý, giải quyết theo thủ tục chung. Trong quá trình giải quyết vụ án, do không tống đạt được văn bản tố tụng của Tòa án cho chị N, đồng thời xét thấy việc niêm yết các văn bản tố tụng của Tòa án không đảm bảo cho chị N biết được việc niêm yết nên Tòa án đã tiến hành thông báo trên phương tiện thông tin đại chúng theo quy định tại Điều 180 Bộ Luật TTDS về việc thụ lý vụ án, về thời gian giải quyết vụ án trên Báo Công Lý 03 kỳ liên tiếp; thông báo trên Đài Tiếng Nói Việt Nam 03 kỳ liên tiếp. Tuy nhiên, chị N vẫn vắng mặt xem như đã từ bỏ quyền và nghĩa vụ tham gia tố tụng. Do đó, Hội đồng xét xử xét thấy có căn cứ xét xử vắng mặt bị đơn theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung tranh chấp:

Về hôn nhân: anh Đ và chị N tự nguyện chung sống với nhau, đến năm 2017 có đăng ký kết hôn tại UBND xã Khánh H, huyện Châu P, tỉnh An G, vào sổ đăng ký kết hôn số 15/2017 ngày 08/3/2017 nên hôn nhân của anh Đ và chị N là hôn nhân hợp pháp.

Về tình trạng hôn nhân của anh Đ và chị N, theo trình bày của anh Đ và đơn xin xác nhận về tình trạng hôn nhân của vợ chồng, có người làm chứng xác nhận thể hiện giữa anh Đ và chị N chung sống không hạnh phúc do thường xuyên xảy ra nhiều mâu thuẫn, không hợp nhau. Anh Đ và chị N đã không còn chung sống với nhau đã lâu; không còn quan tâm, chăm sóc, giữ mối liên lạc gì với nhau. Chị N vắng mặt trong quá trình Tòa án giải quyết vụ án nên không có ý kiến. Do đó, có cơ sở xác định đời sống chung giữa chị N và anh Đ không còn, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy, anh Đ yêu cầu được ly hôn với chị N có cơ sở chấp nhận theo quy định tại khoản 1 Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình.

Về con chung: anh Đ và chị N có hai con chung tên Nguyễn Thị Kim Y, sinh ngày 31/03/2016 và Nguyễn Minh T, sinh ngày 11/8/2017. Khi ly hôn, anh Đ yêu cầu được quyền trực tiếp nuôi dưỡng 02 con chung, không yêu cầu chị N cấp dưỡng nuôi con. Xét thấy con chung hiện do anh Đ trực tiếp nuôi dưỡng từ khi chị N và anh Đ sống ly thân cho đến nay, anh Đ vẫn đảm bảo quyền lợi cho con. Do

đó, có cơ sở chấp nhận yêu cầu của anh Đ về yêu cầu đối với con chung. Anh Đ không yêu cầu Tòa án giải quyết buộc chị N cấp dưỡng nuôi con nên không đề cập.

Về tài sản chung: anh Đ không yêu cầu giải quyết nên không đề cập.

[3] Về chi phí tố tụng: Chi phí cho việc đăng phát thông báo trên phương tiện thông tin đại chúng số tiền là 2.732.000đ (Hai triệu bảy trăm ba mươi hai nghìn đồng). Anh Đ phải chịu và đã nộp xong.

[4] Về án phí: Anh Đ phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, Điều 180, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Áp dụng các điều 51, 56, 58, 81, 82, 83, 84 của Luật Hôn nhân và gia đình.

Áp dụng khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh anh Nguyễn Trung Đ:

Về hôn nhân: anh Nguyễn Trung Đ được ly hôn với chị Nguyễn Thị Kim N.

Về con chung: anh Nguyễn Trung Đ được quyền trực tiếp nuôi 02 (hai) con chung tên Nguyễn Thị Kim Y, sinh ngày 31/03/2016 và Nguyễn Minh T, sinh ngày 11/8/2017.

Sau khi ly hôn, chị Nguyễn Thị Kim N có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung không ai được quyền ngăn cản.

Trong trường hợp có yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức được quy định tại khoản 5 Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con.

2. Về chi phí tố tụng: anh Đ phải chịu lệ phí thông báo trên phương tiện thông tin đại chúng số tiền là 2.732.000đ (Hai triệu bảy trăm ba mươi hai nghìn đồng) và đã nộp xong.

3. Về án phí: anh Nguyễn Trung Đ phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí khi ly hôn. Chuyển 300.000 đ (Ba trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí anh Đ đã nộp theo biên lai thu số 0004219, ngày 17/3/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tân T sang thành án phí.

4. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận
- Toà án tỉnh Long A;
- VKS huyện Tân T;
- THA huyệnTân T;
- UBND cấp xã nơi ĐKKH;
- Các đương sự;
- Lưu HS.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán – Chủ tọa phiên toà

Nguyễn Thị Ngọc A